

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

- Tên gói thầu: 25S01KQ-Khai quang, mé nhánh cây xanh năm 2025.
- Dự toán “Khai quang, mé nhánh cây xanh năm 2025”;
- Chủ đầu tư: Công ty Điện lực Đất Đỏ;
- Nguồn vốn: Vốn SXKD năm 2025 – 2026 của Công ty điện lực Đất Đỏ;
- Thời gian thực hiện: Quý IV/2025;
- Địa điểm: Toàn bộ địa bàn 16 xã, gồm: Long Điền, Long Hải, Hòa Hiệp, Hòa Hội, Bình Châu, Bàu Lâm, Xuyên Mộc, Hồ Tràm, Phước Hải, Đất Đỏ, Bình Giã, Kim Long, Xuân Sơn, Nghĩa Thành, Châu Đức và Ngãi Giao -Tp.HCM thuộc quản lý của Công ty Điện lực Đất Đỏ.

- Quy mô gói thầu:

tt	Hạng mục công việc	ĐVT	Số lượng
1	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao (cây loại 2)	Cây	1.958
2	Vận chuyển cây cắt thấp tán, khống chế chiều cao (sau cắt tỉa, phát quang)	Cây	1.958

Chi tiết theo Bảng khối lượng cây xanh cần thuê ngoài phát quang đính kèm.

2. Mục tiêu công việc:

Cắt thấp tán, tỉa nhánh, cắt cành cây khống chế chiều cao cây xanh loại 2 (loại 2 là cây cao $\leq 12m$ và có đường kính thân cây $\leq 50cm$) vi phạm hành lang an toàn lưới điện và vận chuyển, tập kết, xử lý rác nhánh, lá cây thải sau khi cắt tỉa, phát quang đảm bảo tuân thủ quy định bảo vệ môi trường.

Lưu ý: Hiện tại do giá gói thầu này đang được Công ty Điện lực Đất Đỏ áp dụng mức thuế GTGT là 8%. Đề nghị các nhà thầu tham dự gói thầu này khi chào giá áp dụng mức thuế suất GTGT là 8% cho tất cả các hàng hóa, dịch vụ làm cơ sở thống nhất đánh giá, lựa chọn nhà thầu (cùng mặt bằng), thương thảo ký kết hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng các bên sẽ căn cứ thực tế thực hiện, các khối lượng hàng hóa, dịch vụ nào thuộc đối tượng được giảm thuế GTGT Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ về việc Quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 204/2025/QH15 ngày 17/06/2025 thì sẽ áp dụng theo đúng mức thuế GTGT theo quy định. Theo đó hai bên sẽ thương thảo, ký kết Phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức thuế GTGT cho nhóm hàng hóa, dịch vụ này, làm cơ sở xuất hóa đơn và thanh quyết toán theo đúng quy định.

3. Yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu:

3.1. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình:

Mục này đưa ra các yêu cầu về kỹ thuật đối với việc cung cấp dịch vụ nhằm

đảm bảo chất lượng dịch vụ đáp ứng mục tiêu ban đầu của Chủ đầu tư. Trong đó, các yêu cầu do Chủ đầu tư đưa ra chú trọng vào sản phẩm đầu ra như tiêu chuẩn, quy cách, thông số kỹ thuật, chất lượng... của dịch vụ. Chủ đầu tư nêu các tiêu chuẩn về dịch vụ mà nhà thầu phải đáp ứng, tuy nhiên, các tiêu chuẩn này không nhằm mục đích hạn chế sự tham gia của nhà thầu. Nhà thầu có thể áp dụng các tiêu chuẩn dịch vụ khác nhưng phải chứng minh các tiêu chuẩn này tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn do Chủ đầu tư yêu cầu. Về cơ bản, Chủ đầu tư không cần nêu quy trình, phương pháp thực hiện dịch vụ cụ thể mà nhà thầu phải tuân theo. Nhà thầu được quyền đề xuất quy trình, phương pháp thực hiện mà nhà thầu thấy là thích hợp để thực hiện gói thầu.

Chủ đầu tư có thể đưa ra các yêu cầu về đấu thầu bền vững để bảo đảm dịch vụ cung cấp cho gói thầu thân thiện với môi trường, xã hội (việc sử dụng các vật tư, vật liệu được chứng nhận nhãn sinh thái và tương đương; sử dụng vật liệu không nung, vật liệu bền vững, thân thiện môi trường có khả năng tái chế, tái sử dụng; hạn chế mức độ xả thải, rác thải, ô nhiễm môi trường, hạn chế lượng bê tông sử dụng trong công trình; biện pháp tổ chức thi công; dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác) nhưng phải bảo đảm các quy định này là rõ ràng, không làm hạn chế nhà thầu.

- Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Thông tư 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Các quy định hiện hành về BHLĐ, TTATGT đô thị, BVMT và công tác an toàn khác.

- Các văn bản pháp lý khác liên quan đến việc thi công công trình.

3.2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát:

- Nhà thầu phải nộp sơ đồ tổ chức thi công cho Bên mời thầu trong đó bao gồm một danh sách đầy đủ và chi tiết về đội ngũ cán bộ thi công trên công trường. Danh sách này bao gồm mọi chi tiết có liên quan về chuyên môn, chức vụ nhiệm vụ, khả năng, kinh nghiệm, tuổi đời và thời hạn công tác của nhân viên với nhà thầu.

- Việc cung cấp sơ đồ tổ chức này và sự chấp nhận của Bên mời thầu hoàn toàn không đặt nhà thầu ra khỏi trách nhiệm và nghĩa vụ về ảnh hưởng của việc bố trí nhân công không hợp lý trên công trường. Trong trường hợp nhân lực bổ sung được Bên mời thầu coi là cần thiết thi công có hiệu quả thì nhà thầu phải chịu chi phí cho việc bổ sung nhân sự đó.

- Nhà thầu phải sử dụng các công nhân có kinh nghiệm trên công trường với số lượng và chất lượng đầy đủ để việc thi công trên công trường được hoàn thành theo phương pháp tối ưu và đạt chất lượng cao nhất.

- Trước khi khởi công công tác xây dựng, báo cáo năng lực của kỹ sư chủ

chốt của nhà thầu phải nộp cho Bên mời thầu.

- Nhà thầu phải chụp hình trước và sau khi tỉa nhánh cắt cành.

3.3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị:

Đơn vị thi công phải chuẩn bị đầy đủ các trang thiết bị, dụng cụ và công nhân trước khi thi công các phương tiện cơ giới như xe gàu, xe tải (khi thu gom tập kết các nhánh cây, lá cây sau khi chặt bỏ vào thùng xe gọn gàng đi đổ đúng nơi quy định) các phương tiện dụng cụ, máy thi công phục vụ công tác khai quang phải đảm bảo an toàn lao động, công việc mé nhánh, khai quang được giám sát của Bên mời thầu duyệt phải đáp ứng được yêu cầu kiểm tra theo tiêu chuẩn Việt Nam và phải đúng theo yêu cầu của HSMT.

3.4. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ, an toàn giao thông:

- Để đảm bảo an toàn điện trong nhân dân và đảm bảo hệ thống lưới điện vận hành an toàn, liên tục trong mùa mưa bão, thực hiện khai quang cây xanh chạm (hoặc gần chạm) vào lưới điện trung thế (các loại cây không thuộc quản lý của đơn vị quản lý cây xanh), khai quang và mé nhánh cây xanh phải đảm bảo đủ khoảng cách an toàn (khoảng cách an toàn kiến nghị sau khi đã mé nhánh là: các vị trí có thiết bị và điểm hở lưới điện > 3m và dây trung thế là > 2m).

- Thường xuyên liên hệ, nhắc nhở và phối hợp với người dân có cây xanh gần đường dây để tổ chức thực hiện khai quang, mé nhánh cây xanh đảm bảo đủ khoảng cách an toàn (khoảng cách an toàn kiến nghị sau khi đã mé nhánh là: các vị trí có thiết bị và điểm hở lưới điện > 3m và dây trung thế là > 2m) đồng thời kiến nghị tăng tần suất khai quang, mé nhánh trong năm đảm bảo chu kỳ phát triển của từng loại cây nhằm đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định hành lang an toàn lưới điện cao áp 22kV, không để cây xanh phát triển chạm đến lưới điện.

- Khi đường dây, thiết bị mang điện bị cháy thì phải cắt nguồn điện trước khi tiến hành chữa cháy, cấm người chữa cháy dùng các loại bột, nước để cứu chữa khi chưa được cắt điện.

- Chỉ được dùng bình CO₂ để dập tắt đám cháy trong phòng kín, hầm cáp, các thiết bị có điện vì sau khi dập tắt đám cháy không để lại dấu vết, không làm hư hỏng, ảnh hưởng đến vật cần được bảo vệ.

3.5. Yêu cầu về vệ sinh môi trường:

- Trong quá trình thi công mé nhánh hạn chế để rơi vãi phải thu dọn ngay thu gom, tập kết nhánh cây, tán cây phải gom thành đống và chuyển bỏ vào thùng xe tải ngay và chuyển đúng nơi quy định.

- Các máy móc công cụ, thiết bị thi công gây ồn chỉ được dùng trong thi công ở những nơi được phép. Máy phát điện, máy móc gây sử dụng cho công tác khai quang phải được làm giảm ồn trong suốt thời gian vận hành bằng các hình thức như bộ giảm âm, tấm chắn và tương đương, hoặc phải đặt xa các công trình lân cận theo yêu cầu của chính quyền địa phương và kỹ sư giám sát của Bên mời thầu.

3.6. Yêu cầu về an toàn lao động, an toàn giao thông:

- Khi thi công phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Nhà nước.

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho con người và thiết bị là yêu cầu hàng đầu của Chủ đầu tư đối với Nhà thầu khi khai quang, mé nhánh, đốn hạ các cây xanh gần hoặc chạm lưới điện trung hạ thế. An toàn lao động cho người đi lại, khi mật độ xe đông phải có người của đội hướng dẫn để đảm bảo an toàn đi lại, không gây ùn tắc giao thông, lập rào chắn, biển báo, cử người cảnh giới, chỉ dẫn giao thông.

- Trong quá trình khai quang nếu thấy có chướng ngại vật thì báo cáo ngay cho đơn vị có chức năng để cùng phối hợp giải quyết.

- Nhà thầu phải bảo đảm an toàn mọi dịch vụ công cộng và cá nhân tại các vùng lân cận của công trình trong suốt thời gian thi công. Nhà thầu cũng phải tự sửa chữa mọi hư hỏng do phía Nhà thầu gây ra hoặc phải chịu mọi phí tổn cho các vấn đề có liên quan.

- Người giám sát an toàn phải thông thạo các quy định về điện, các quy trình kỹ thuật an toàn cũng như các phương tiện khác để tránh rủi ro tại hiện trường thường xuyên nhắc nhở công nhân giữ khoảng cách an toàn lưới điện cao áp.

- Sử dụng các phương tiện cơ giới như xe gầu và các phương tiện dụng cụ, máy thi công để tiến hành khai quang đảm bảo an toàn lao động, đúng tiến độ.

- Tất cả các công nhân thực hiện các công việc trong hợp đồng đều phải được huấn luyện, hướng dẫn đầy đủ các quy trình, quy định về kỹ thuật điện, kỹ thuật an toàn điện... và được kiểm tra xác nhận đảm bảo tiêu chuẩn về an toàn của các cấp có thẩm quyền theo đúng quy định hiện hành.

- Tổng quan, trong quá trình thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm:

+ Tổ chức thực hiện đầy đủ các biện pháp an toàn trong quá trình thi công để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho con người và thiết bị.

+ Sử dụng đúng biện pháp thi công theo yêu cầu kỹ thuật của mỗi loại hình công việc trong công trình. Nghiêm chỉnh sửa chữa, hoàn chỉnh các sai sót, tồn tại.

3.7. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công:

- Nhà thầu tự đề xuất sao cho phù hợp và khả thi trong quá trình triển khai thực hiện gói thầu đúng tiến độ.

- Do số lần cắt điện rất hạn chế, nên đơn vị thi công phải cố gắng tập trung phương tiện, nhân lực, máy móc thiết bị đầy đủ thi công hoàn tất tất cả các hạng mục khai quang cây xanh chạm lưới trung thế của từng tuyến dây.

3.8. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục:

- Nhà thầu phải nghiên cứu kỹ HSMT, kiểm tra hiện trường thi công và đề xuất trong HSDT việc áp dụng các biện pháp tổ chức và giải pháp kỹ thuật để thực hiện công trình, cụ thể như sau:

+ Thực hiện lập biên bản khảo sát hiện trường trước khi thi công.

+ Thực hiện đầy đủ chế độ Phiếu công tác, phiếu thao tác;

+ Thực hiện đầy đủ các biện pháp an toàn cá nhân, kiểm tra trang bị BHLĐ và trang thiết bị an toàn, dụng cụ đồ nghề trước khi công tác.

+ Phân công cụ thể cho từng thành viên, nhóm, tổ chức thực hiện công việc theo phiếu công tác được lập.

+ Quy trình thi công: Nhà thầu chịu trách nhiệm lập quy trình thi công theo đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm đảm bảo chất lượng cho từng loại hình công việc nằm trong phạm vi hợp đồng.

+ Các biện pháp chuẩn bị thi công: phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị, rào chắn, biển báo, giao thông...

+ Trình tự tổ chức thi công.

+ Các biện pháp an toàn

+ Biện pháp đảm bảo chất lượng

+ Các biện pháp đẩy nhanh tiến độ

- Nhà thầu phải nộp biện pháp thi công chi tiết cho Bên mời thầu ít nhất 01 tuần trước khi có lệnh khởi công.

- Nhà thầu phải lập báo cáo tình hình thi công hàng tuần và kế hoạch thực hiện tuần tới cho Bên mời thầu. Báo cáo phải rõ ràng và chính xác về tình hình thi công, nếu có sự chậm tiến độ của mỗi hạng mục công trình thì phải nêu lý do chậm trễ và các biện pháp khắc phục của nhà thầu.

- Trong thời gian thực hiện dự án, Chủ đầu tư sẽ tổ chức các buổi họp hàng tuần hoặc khi cần thiết để giải quyết công việc và nắm rõ tiến độ triển khai thực hiện hợp đồng. Nhà thầu phải tham dự các buổi họp như thế với đầy đủ các thành phần theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Nhà thầu không được phép thay đổi các biện pháp đã được Chủ đầu tư chấp nhận mà không có sự thỏa thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.

- Nhà thầu phải đảm bảo thi công đúng biện pháp thi công được duyệt, phải tuân theo hướng dẫn của Kỹ sư giám sát để đảm bảo cho việc thi công được an toàn và không được kéo dài thời gian.

- Sự chấp nhận của Chủ đầu tư đối với biện pháp thi công dự kiến mà nhà thầu lập không thể miễn cho nhà thầu khỏi trách nhiệm và nghĩa vụ của mình trong hợp đồng về thời gian thi công, sự an toàn cho người và tài sản có liên quan.

- Nhà thầu thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công việc do mình đảm nhận; bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng, thi công không bảo đảm chất lượng hoặc gây hư hỏng, gây ô nhiễm môi trường và các hành vi khác gây ra thiệt hại.

3.9. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu:

- Lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu, tính chất, quy mô công trình, trong đó quy định trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận thi công công trình trong việc quản lý chất lượng công trình khai quang mé nhánh, cắt thấp tán,

không chế chiều cao, đốn hạ cây xanh dọc theo hành lang an toàn lưới điện.

- Lập và kiểm tra thực hiện biện pháp thi công, tiến độ thi công.
- Lập và ghi nhật ký thi công xây dựng công trình theo quy định.
- Kiểm tra an toàn lao động, vệ sinh môi trường bên trong và bên ngoài công trường.

- Báo cáo chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường thi công theo yêu cầu của chủ đầu tư.

- Nhà thầu thi công công trình phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công việc do mình đảm nhận, bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng, thi công không đảm bảo chất lượng hoặc gây hư hỏng, gây ô nhiễm môi trường và các hành vi khác gây ra thiệt hại.

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

4.1 Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu phải thuyết minh giải pháp và phương pháp luận và cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ;
- Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc;

4.2 Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

- Trong mọi trường hợp, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm hoàn tất toàn bộ hồ sơ hoàn công, hồ sơ nghiệm thu vật tư, công việc, bộ phận công trình, hạng mục công trình, công trình hoàn thành. Đảm bảo công việc thi công sửa chữa đến đâu phải có hồ sơ đến đó và trước ngày nghiệm thu tối thiểu 02 ngày, nhà thầu phải cung cấp đủ hồ sơ, tài liệu yêu cầu cho tất cả các đợt nghiệm thu, bao gồm cả nghiệm thu công việc, nghiệm thu giai đoạn thi công hay công trình, hạng mục công trình do nhà thầu thực hiện dịch vụ lập phối hợp cùng giám sát A, Chủ đầu tư để chuẩn bị tổ chức nghiệm thu.

- Ngoài ra, nhà thầu thực hiện dịch vụ phải chịu trách nhiệm số hóa (scan) toàn bộ hồ sơ nghiệm thu, hoàn công, quyết toán A-B lưu trữ dạng file.pdf và hoặc file ảnh,...bàn giao cho chủ đầu tư cùng với hồ sơ giấy ngay sau khi hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng.

BẢNG KHỐI LƯỢNG CÂY XANH CẦN THUÊ MUỐN ĐƠN VỊ NGOÀI PHÁT QUANG NHẪM ĐẢM BẢO HLAT LƯỚI ĐIỆN.

I. Khối lượng cây xanh các tuyến nhánh thuộc phạm vi quản lý Đội QLLĐ 1

STT	Vị trí	Loại cây	Số lượng cây xanh
Tuyến 477NG			
1.	Từ trụ 477NG/6 đến 477NG/10	Cây dầu, xà cừ	4
2.	Nhánh rẽ 477NG/17	Cây tràm, cao su	4
3.	Từ trụ 477NG/9 đến 477NG/37	Cây dầu, xà cừ	4
4.	Nhánh rẽ 477NG/56	Cây dầu	3
5.	Từ trụ 477NG/77 đến trụ 477NG/115	Cây dầu, xà cừ, (khác)	14
6.	Trụ 477NG/117/26/10	Cây dầu	1
7.	Nhánh rẽ 477NG/117/42/6	Cây xà cừ	1
8.	Trụ 477NG/117/64	Cây xà cừ	1
9.	Từ trụ 477NG/117 đến trụ 477NG/120	Cây dầu, xà cừ, (khác)	5
10.	Nhánh rẽ 477NG/122/1	Cây xà cừ	1
11.	Nhánh rẽ 477NG/128	Cây xà cừ	1
12.	Từ trụ 477NG/132 đến trụ 477NG/136	Cây xà cừ, điều, dừa	7
13.	Trụ 477NG/158/30/13	Cây điều	1
14.	Trụ 477NG/158/54	Cây bàng	1
15.	Từ trụ 477NG/158/67/5F đến trụ 477NG/158/67/8F	Cây xà cừ	2
16.	Trụ 477NG/158/70/5	Cây xà cừ	1
17.	Trụ 477NG/158/106/1	Cây xà cừ	1
18.	Nhánh rẽ 477NG/158/114/1F	Cây xà cừ	1
19.	Nhánh rẽ 477NG/158/122	Cây điều, cây bàng	7
20.	Trụ 477NG/158/130A	Cây điều	1
21.	Nhánh rẽ 477NG/158/140	Cây điều	1
22.	Nhánh rẽ 477NG/158/154	Cây điều, xà cừ, (khác)	5
23.	Nhánh rẽ 477NG/158/160	Cây xà cừ	6
24.	Nhánh rẽ 477NG/158/164	Cây gòn, sake	1
25.	Nhánh rẽ 477NG/158/169	Cây xà cừ	11
26.	Nhánh rẽ 477NG/202/30A	Cây cao su	4
27.	Từ trụ 477NG/202/20 đến trụ 477NG/202/22	Cây xà cừ	3
28.	Nhánh rẽ 477NG/202/36	Cây xà cừ, cao su	13
29.	Nhánh rẽ 477NG/205	Cây xà cừ	4
30.	Từ trụ 477NG/202 đến trụ 477NG/214	Cây xà cừ	10
31.	Trụ 477NG/227	Cây cao su	1
32.	Trụ 477NG/237A	Cây cao su	1
33.	Từ trụ 477NG/258/6 đến trụ 477NG/258/8	Cây cao su	5
Tuyến 475NG			
34.	Trụ 475NG/73/17	Cây điều	1

STT	Vị trí	Loại cây	Số lượng cây xanh
35.	Nhánh rẽ 475NG/64	Cây điều	2
36.	Nhánh rẽ 475NG/102/32	Cây trà	3
37.	Từ trụ 475NG/131/15F đến trụ 475NG/131/17F	Cây cao su	7
38.	Từ trụ 475NG/140A/18 đến trụ 475NG/140A/19	Cây trà	6
39.	Nhánh rẽ 475NG/152	Cây điều, trà, (khác)	8
40.	Trụ 475NG/156	Cây bàng	1
41.	Từ trụ 475NG/179/4 đến trụ 475NG/179/5	Cây xanh	2
42.	Nhánh rẽ 475NG/184	Cây xà cừ	2
43.	Nhánh rẽ 475NG/192	Cây xanh	1
44.	Nhánh rẽ 475NG/222	Cây gòn	1
45.	Nhánh rẽ 475NG/224	Cây xà cừ, gòn, trà	9
Tuyến 473NG			
46.	Nhánh rẽ 473NG/18	Cây trà, điều, xà cừ	8
47.	Trụ 475NG/473NG/23	Cây xà cừ	1
48.	Trụ 473NG/23/6	Cây gòn	1
49.	Từ trụ 473NG/33 đến trụ 473NG/53	Cây xà cừ	5
50.	Nhánh rẽ 473NG/53	Cây dừa, xà cừ, lộc vùng, dầu	19
51.	Từ trụ 475NG/473NG/67 đến trụ 475NG/473NG/135	Cây dầu, bàng	15
52.	Trụ 473NG/141A	Cây mận	1
Tuyến 471NG			
53.	Từ trụ 471NG/3 đến trụ 471NG/9	Cây dầu	3
54.	Trụ 471NG/14A/1	Cây xà cừ	1
55.	Trụ 471NG/27A	Cây xà cừ	1
56.	Trụ 471NG/35A	Cây trà	1
57.	Nhánh rẽ 471NG/73/27A	Cây trà, xà cừ	5
58.	Từ trụ 471NG/74 đến trụ 471NG/76	Cây điều, trà	3
59.	Trụ 471NG/81A/9	Cây tre	1
60.	Trụ 471NG/98/135/5	Cây trà	2
61.	Từ trụ 471NG/163/10 đến trụ 471NG/163/11	Cây gòn, (khác)	2
62.	Từ trụ 471NG/176 đến trụ 471NG/193	Cây điều	5
63.	Từ trụ 471NG/195/5 đến trụ 471NG/195/47	Cây điều, xà cừ, tre, dầu	6
64.	Trụ 471NG/201/1	Cây lộc vùng	1
65.	Trụ 471NG/221	Cây xanh	1
66.	Từ trụ 471NG/224/3 đến trụ 471NG/224/8	Cây dầu	2
67.	Từ trụ 471NG/227/1 đến trụ 471NG/227/5	Cây dầu	6
Tuyến 479CD1			
68.	Từ trụ 479CD1/90/1 đến trụ 479CD1/90/3	Cây xà cừ	3
69.	Từ trụ 479CD1/104/1 đến trụ 479CD1/104/5	Cây xà cừ	3
70.	Trụ 479CD1/107	Cây xà cừ	1

STT	Vị trí	Loại cây	Số lượng cây xanh
71.	Từ trụ 479CD1/130/25/5 đến trụ 479CD1/130/25/6	Cây điều	1
72.	Nhánh rẽ 479CD1/130/34	Cây trà, me	3
73.	Nhánh rẽ 479CD1/168	Cây xà cừ, trà, (khác)	9
74.	Trụ 479CD1/177	Cây điều	1
75.	Trụ 479CD1/182/14	Cây dừa	1
76.	Trụ 479CD1/184	Cây xà cừ	1
77.	Từ trụ 479CD1/191/1 đến trụ 479CD1/191/5	Cây xà cừ	6
78.	Trụ 479CD1/193	Cây xà cừ	1
	Tuyến 473CD1		
79.	Từ trụ 475CD1/471CD1/473CD1/18 đến trụ 75CD1/471CD1/473CD1/35	Cây xanh	18
80.	Từ trụ 471CD1/473CD1/158 đến trụ 471CD1/473CD1/170	Cây cao su	22
81.	Từ trụ 471CD1/473CD1/171 đến trụ 471CD1/473CD1/176	Cây xà cừ	2
82.	Nhánh rẽ 473CD1/183	Cây xanh	1
83.	Nhánh rẽ 473CD1/195	Cây điều	1
84.	Nhánh rẽ 473CD1/223	Cây xà cừ	3
85.	Từ trụ 471CD1/473CD1/240 đến trụ 471CD1/473CD1/248	Cây xanh	4
86.	Từ trụ 473CD1/290/1T/28 đến trụ 473CD1/290/1T/39	Cây xà cừ	5
87.	Nhánh rẽ 473CD1/290/1T/43	Cây gòn	3
88.	Từ trụ 473CD1/290/1T/46 đến trụ 473CD1/290/1T/66	Cây gòn	4
89.	Nhánh rẽ 473CD1/290/1T/69	Cây xà cừ	2
90.	Từ trụ 471CD1/473CD1/292 đến trụ 471CD1/473CD1/299	Cây xanh	3
91.	Trụ 473CD1/309/3	Cây xanh	1
92.	Trụ 473CD1/313/12/13	Cây gòn	2
93.	Trụ 471CD1/473CD1/322	Cây gòn	1
94.	Nhánh rẽ 473CD1/331	Cây dừa, cao su	6
95.	Từ trụ 471CD1/473CD1/337 đến trụ 471CD1/473CD1/340	Cây xà cừ	4
96.	Nhánh rẽ 473CD1/345/19A	Cây trà, bàng	2
97.	Trụ 473CD1/381/9	Cây gòn	1
98.	Nhánh rẽ 473CD1/410	Cây dừa, điều, chuối, trà	5
99.	Tuyến 471CD1		
100.	Từ trụ 471CD1/416 đến trụ 471CD1/418	Cây xà cừ	2
101.	Nhánh rẽ 471CD1/448	Cây trà	2
102.	Từ trụ 471CD1/456 đến trụ 471CD1/487	Cây dừa	2
103.	Tuyến 482MXB1		
104.	Từ trụ 482MXB1/274/97/10 đến trụ 482MXB1/274/97/22	Cây xà cừ	6

STT	Vị trí	Loại cây	Số lượng cây xanh
105.	Từ trụ 482MXB1/274/97/24/19 đến trụ 482MXB1/274/97/24/23	Cây cao su	8
106.	Từ trụ 482MXB1/274/137/1 đến trụ 482MXB1/274/137/4	Cây xà cừ	2
107.	Từ trụ 482MXB1/274/124 đến trụ 482MXB1/274/125	Cây cao su	3
	Tổng		404

II. Khối lượng cây xanh các tuyến nhánh thuộc phạm vi quản lý Đội QLLĐ 2

STT	Vị trí	Loại cây	Số lượng cây xanh
A	TRẠM 110 AN NGÃI		
I	Tuyến 481AN - Lê Thành Linh (0792623464)		
1	481AN/78/4-5	Cây lộc vừng	1
2	481AN/78/6-7	cây dừa	1
3	481AN/80/1-2	cây xanh	2
4	481AN/80/5-6	Cây lộc vừng	1
5	481AN/80/10-11	cây xanh	1
6	481AN/80/15/1T/1-3	Cây me	2
7	481AN/127/4-6	cây xoài	2
8	481AN/154/9-10	cây xanh	5
9	481AN/154/6-7	cây xanh	1
10	481AN/126/11/15-16	cây xoài	2
11	481AN/126/11/6-7	Cây sa kê	1
12	481AN/126/11/4-5	Cây xà cừ	4
13	481AN/94/8-9	cây xanh	1
14	481AN/85-86	cây dầu	3
15	481AN/105-106	cây dừa	1
16	481AN/154-155	Cây cau	4
17	481AN/126/61-62	Cây vú sữa	1
18	481AN/107/7-7A	Cây xanh	2
19	481AN/107/9-10	cây bàng	1
II	Tuyến 479AN - Lê Thành Linh (0792623464)		
1	481AN/479AN/2-3	cây tràm	3
2	481AN/479AN/23-25	cây xà cừ	3
3	481AN/479AN/47-48	Cây cau	2
4	481AN/479AN/62-63	cây xanh	1
III	Tuyến 476AN - Lê Thành Linh (0792623464)		
1	479AN/134-135	Cây dừa	1
2	479AN/150/8-9	Cây bàng	1
3	479AN/150/17-20	Cây xanh	3
4	479AN/150/21-22	Cây bồ đề	1
5	479AN/150/24-25	Cây bàng	1
6	477AN/54/15-16	Cây sung	1
7	477AN/54/24-25	Cây điệp	1

STT	Vị trí	Loại cây	Số lượng cây xanh
8	477AN/50/5-8	cây trầm	10
9	478AN/477AN/63-64	cây xoài	1
10	478AN/477AN/35-36	cây xanh	5
IV	Tuyển 478AN - Lê Thành Linh (0792623464)		
1	477AN/176/22-23	cây xanh	6
2	477AN/176/18-19	cây xanh	1
3	477AN/176/10-12	cây xanh	3
4	477AN/176/8-10	cây xanh	2
5	477AN/176/6-7	cây xanh	1
6	477AN/176/3-5	cây xanh	5
7	477AN/206-207	cây xanh	1
8	477AN/204-206	cây xanh	3
9	477AN/198-199	cây xanh	5
10	477AN/189-190	cây trầm	1
11	477AN/181-182	cây xanh	3
12	477AN/152/3-4	Cây bàng	1
13	477AN/152/2/3-7	cây xanh	5
14	477AN/150-151	cây bàng	2
15	477AN/68-70	cây xanh	2
V	Tuyển 473AN - Trần Tấn Nam		
1	471AN/473AN/16-17	cây xanh	1
2	471AN/473AN/19-20	cây xanh	1
3	473AN/97/1	cây xanh	1
4	473AN/103/19/17	cây xanh	1
VI	Tuyển 471AN - Trần Tấn Nam		
1	471AN/50-54	cây xanh	3
2	471AN/63-64	cây xanh	2
VII	Tuyển 475AN - Trần Tấn Nam		
1	475AN/12-13	cây xanh	2
2	475AN/24/1-2	cây xanh	1
3	475AN/27-31	cây xanh	5
4	475AN/45-46	cây xanh	1
5	475AN/63-64	cây xanh	2
6	475AN/75-76	cây xanh	2
7	475AN/81	cây xanh	1
8	475AN/122	cây xanh	1
9	475AN/127-130	cây xanh	5
B	TRẠM 110 XUYỀN MỘC		
I	Tuyển 471XM - Trần Anh Tuấn + Mai Quốc Nam		
1	471XM/46	Cây Xanh	1
2	471XM/48/1	Cây trầm	1
3	471XM/54-55	cây xà cừ	4
4	471XM/56A/5-6	Cây xanh	1
5	471XM/56A/7	Cây xanh	1
6	471XM/56A/16	Cây xanh	1
7	471XM/67A/1-2	Cây xanh	1

STT	Vị trí	Loại cây	Số lượng cây xanh
8	471XM/71/2-3	cây xanh	1
9	471XM/71/4	cây bàng lãng	1
10	471XM/71/13-14	cây xoài	1
11	471XM/71/15	Bụi tre	1
12	471XM/71/16/1-7	Cây cao su	1
13	471XM/71/24	Cây Xanh	1
14	471XM/71/48/1	Cây trà	1
15	471XM/71/47-49	Cây trà	1
16	471XM/85/2-3	cây bàng	1
17	471XM/85/4-5	cây xà cừ	1
18	471XM/85/5-6	cây xà cừ	4
19	471XM/85/6-7	cây xà cừ	1
20	471XM/85/7/4-5	cây xanh	1
21	471XM/85/7/9-10	cây xanh	1
22	471XM/97/1-3	cây điều + cây rừng	2
23	471XM/97/7	cây xoài	2
24	471XM/97/9	cây xoài	2
25	471XM/97/16	cây điều	1
26	471XM/130-130A	cây xoài	1
27	471XM/132-133	cây sưa	1
28	471XM/136-136A	cây sưa	1
29	471XM/143/1-3	cây xà cừ	1
30	471XM/143/6	cây trà	1
31	471XM/156/9	cây trà	1
32	471XM/156/26-27	cây trà	1
33	471XM/156/28-31	cây trà	1
34	471XM/156/34	cây trà	1
35	471XM/156/36	cây trà	1
36	471XM/186/4	cây gòn	1
37	TBA 471XM/186/7	cây phủ máy	1
38	471XM/186/10	cây bạch đàn	1
39	471XM/186/16-23	cây cao su	10
40	TBA 471XM/186/23	cây phủ máy	1
41	471XM/186/23/2-4	cây trà	3
42	471XM/186/31-35	cây trà	5
43	471XM/186/38A-42	cây cao su	10
44	TBA 471XM/187/1	cây phủ máy	1
45	TBA 471XM/196/1	cây phủ máy	1
46	471XM/198/8-9	Cây xanh	1
47	471XM/198/9/10-11	Cây xanh	2
48	471XM/198/26-27	Cây xanh	1
49	471XM/198/28/8	cây trà	2
50	471XM/198/28/10	cây xà cừ	1
51	471XM/198/20/3	cây xanh	2
52	471XM/198/31A/6	cây xanh	1

STT	Vị trí	Loại cây	Số lượng cây xanh
53	TBA 471XM/202A/19	cây phủ máy	1
54	471XM/215/7-8	cây trà	2
55	471XM/209/5-6	cây trà	2
56	471XM/206	cây gòn	1
57	TBA 471XM/221/15	cây phủ máy	1
58	471XM/248/5	cây điều	1
59	471XM/258/22B/4	Cây tre	1
60	471XM/258/22B/8-9	Cây trà	1
61	471XM/258/22B/12-14	Cây trà	1
62	471XM/271/4	Cây trà	1
63	471XM/271/13	Cây Xanh	1
64	TBA 471XM/278/14	cây phủ máy	1
65	471XM/297B/19A	Cây Xanh	1
66	471XM/297B/22-23	Cây Xanh	1
67	471XM/297A/8-11	Cây Xanh	1
68	471XM/297A/15-19	Cây gòn	1
69	471XM/315A/13-14	cây điều	1
70	471XM/315A/22/8	Cây Xanh	1
71	471XM/315A/23-25	Cây gòn	1
72	471XM/315A/26	Cây điều	1
73	471XM/315A/26/3-4	Cây me	1
74	471XM/315A/26/13-14	Cây bơ, điều	1
75	TBA 471XM/315A/26/18	cây phủ máy	1
76	471XM/315A/26-27	cây điều	1
77	471XM/315A/30-31	cây sầu riêng	1
78	471XM/315A/33	Cây cao su	1
79	471XM/315A/36	Cây gòn	1
80	471XM/315A/37-39	Cây Xanh	1
81	471XM/315A/43-44	Cây Xanh	1
82	471XM/315/5	Cây Xanh	1
83	471XM/315/2-3	cây dừa	2
84	TBA 471XM/316	cây đụn máy	1
85	471XM/321A/52	Cây cao su	1
86	471XM/323/6	Cây gòn	1
87	471XM/323/20	Cây Xanh	1
88	471XM/323/27-31	Cây Xanh	1
89	471XM/323/37/1-2	Cây Xanh	3
90	471XM/323/37/7-10	Cây Xanh	1
91	471XM/323/44-46A	Cây cao su	1
92	TBA 471XM/323/46A	cây đụn máy	1
93	471XM/323/46A/1	cây điều	1
94	TBA 471XM/323/46A/3/6	cây đụn máy	1
95	471XM/323/46A/17	cây điều	1
96	471XM/323/46A/23-27	cây điều, cao su	4
97	471XM/323/46A/33-35	cây điều, cao su	2
98	471XM/323/46A/49-52	cao su	2

STT	Vị trí	Loại cây	Số lượng cây xanh
99	471XM/323/46A/55	cao su	1
100	471XM/323/46A/20/6-7	cao su	2
101	471XM/323/46A/20/19-22	Cây Xanh	2
102	471XM/323/46A/3/3-6	cao su	2
103	471XM/323/47	Cây Xanh	1
104	471XM/323/52	Cây Xanh	1
105	471XM/323/61B/5-6	Cây trà	2
106	471XM/323/61B/11-12	Cây trà	2
107	471XM/323/61B/16	Cây trà	1
108	471XM/323/32/1-2	Cây trà	1
109	471XM/323/32/4	Cây trà	1
110	471XM/323/23/7	Cây gòn	1
111	471XM/323/10-11	cao su	1
112	TBA 471XM/327/3	Cây gòn đưng máy	1
113	471XM/327/4A/4-12	cao su	7
114	471XM/327/4A/16	cao điều	1
115	471XM/327/5-6	cao xanh	3
116	TBA 471XM/327/13	Cây gòn đưng máy	1
117	471XM/327/11A/6-11	cao su, gòn	5
118	471XM/336/2/6-7	cây gòn	2
119	471XM/336/2/9-10	cây gòn	3
120	471XM/339-340	cây điều	1
121	471XM/343A/4-5	cây điều	2
122	471XM/343A/8-13	cây điều, gòn	5
123	471XM/343A/41/5	Cây Xanh	1
124	471XM/343A/41/8	cây điều	1
125	471XM/343A/42-44	Cây Xanh	1
126	471XM/343A/47-52	Cây Xanh	1
127	471XM/348/1B	Cây xà cừ	1
128	471XM/348/3-4	Cây Xanh	1
129	471XM/348/6-8	Cây cao su	1
130	471XM/358/1-3	Cây Xanh	3
131	471XM/358/4-5	Cây Xanh	3
132	471XM/358/9-12	Cây cao su	1
133	471XM/358/16-20	Cây Xanh	1
134	471XM/358/30-32	Cây cao su	1
135	TBA 471XM/358/32	Cây gòn đưng máy	1
136	471XM/361/48-49	Cây Xanh	1
137	TBA 471XM/361/57/14	Cây gòn đưng máy	1
138	TBA 471XM/361/57/14/20	Cây gòn đưng máy	1
139	471XM/361/65-68	Cây tre	1
140	TBA 471XM/361/68	Cây gòn đưng	1

STT	Vị trí	Loại cây	Số lượng cây xanh
		máy	
141	471XM/361/82-85	Cây trà	1
142	471XM/361/86/1	Cây trà	1
143	471XM/361/86/9-13	Cây xanh	5
144	471XM/361/57/2	Cây trà	1
145	471XM/361/57/6-7	Cây trà	1
146	471XM/361/57/1-5	Cây trà	5
147	471XM/361/57/16-17	Cây trà	1
148	471XM/361/57/27	cây dừa	1
149	471XM/361/57/31-32	Cây cao su	3
150	471XM/361/57/39	Cây Xanh	1
151	471XM/361/57/43	Cây Xanh	1
152	471XM/361/57/46	Cây Xanh	1
153	471XM/363/8-13	Cây cao su	15
154	471XM/363/1	Cây Xanh	1
155	471XM/363/17	Cây gòn	1
156	471XM/363/19	cây điều	1
157	471XM/363/20	cây Vú sữa	1
158	471XM/366/28-29	Cây Xanh	1
159	471XM/372/7-8	cây điều	1
160	471XM/373/2	cây gòn	1
161	471XM/373/8	cây gòn	1
162	TBA 471XM/373/32A/6	Cây gòn đựng máy	1
163	471XM/373/25-26	cây xanh	1
164	471XM/373/23	cây xanh	1
165	471XM/373/48-50	cây xanh	2
166	471XM/373/52	cây gòn	1
167	471XM/373/27/1	cây xanh	1
168	471XM/373/27/9	cây xanh	1
169	471XM/373/22/11-12	cây xanh	1
170	471XM/373/22/13	cây bạch đàn	1
171	471XM/373/18/3	cây tre	1
172	471XM/376/6-10	Cây cao su	5
173	471XM/376/13	Bụi tre	1
174	471XM/376/23-25	cây xanh	3
175	TBA 471XM/376/24	Cây gòn đựng máy	1
176	471XM/377	cây me	1
177	471XM/380-381	cây me	1
178	471XM/388	cây bàng	1
179	471XM/392/3	cây trà	1
180	471XM/392/7	cây xanh	1
181	471XM/392/29-30	cây trà	1
182	471XM/392/50/1-2	Cây cao su	3
183	471XM/392/30/3-7	cây điều	3
184	471XM/392/30/11	cây điều	1

STT	Vị trí	Loại cây	Số lượng cây xanh
185	471XM/392/9-12	cây tràm	3
186	471XM/392/15	cây xanh	1
187	471XM/392/24	cây tràm	1
188	471XM/392/26	cây tràm	1
189	471XM/392/37-41	cây tràm	15
190	471XM/393/42/1-4	cây xanh	3
191	471XM/393/48-51	cây tràm, điều	5
192	TBA 471XM/393/42A/4	Cây gòn đưng máy	1
193	471XM/393/42A/23-26	cây xanh	10
194	TBA 471XM/393/42A/31	Cây gòn đưng máy	1
195	471XM/393/42A/31-33	cây xanh	2
II	Tuyến 472XM - Mai Lê Vĩnh Trị + Ngô Xuân Hạnh		
1	472(482)XM/181/1-2	Cây xanh	2
2	472XM/248/4-5	cây me	1
3	472XM/254/7-8	Cây me	1
4	472XM/254/11A-13	Cây xà cừ	1
5	472XM/254/19-19A	Cây xà cừ	1
6	472XM/254/24-27	Cây xanh	3
7	472XM/254/56A-57	Cây cao su	10
8	472XM/254/58-59	Cây tràm	5
9	472XM/254/78-79	Cây tràm	5
10	472XM/312-313	cây điều	1
11	472XM/313-315	cây xanh	2
12	472XM/325-326	cây xanh	2
13	472XM/333-334	cây xanh	1
14	472XM/346-346/1	cây sao	1
15	472XM/356/1-3	Tre + Sao + Xà cừ	3
16	472XM/356/4	Tre	1
17	472XM/396-397	cây bàng thái + tràm	2
18	472XM/399/2/1-1A	cây xoài	1
19	472XM/399/2/2-2/2/2	2 tràm + Si	3
20	472XM/399/2/3-2/2/6	tràm + tre + dương + điều	4
21	472XM/399/2/9-10	Xà cừ	1
22	472XM/431-432	cây tràm + dừa	2
23	472XM/420/47-49	cây xoài	1
24	472XM/420/130/26-36	cây tràm	40
III	Tuyến 473XM - Hoàng Phước Hải Giao + Ngô Nguyễn Đức Trung Hiếu		
1	473XM/87/3-4	cây cao	1
2	473XM/94-94/1	cây cao	2
3	473XM/111/8/5-6	Cây xanh	1
4	473XM/111/8/8-11	Cây xanh	5

STT	Vị trí	Loại cây	Số lượng cây xanh
5	473XM/111/15	Cây xanh	1
6	473XM/111/24-25	Cây điều	2
7	473XM/111/31-35	Cây xanh + tre	4
8	473XM/111/40-42	Cây cao su	3
9	473XM/128/6-13	Cây xanh	5
10	473XM/181-181/1	Cây xanh	1
11	473XM/181/5-181/6	Cây xanh	1
12	473XM/187/9A	Cây xanh	1
13	473XM/187/13-14	Cây xanh	2
14	473XM/187/18-19	Cây xanh	2
15	473XM/187/23-24	Cây xanh	2
16	473XM/187/29-30	Cây xanh	1
17	473XM/187/33-34	Cây xanh	2
18	473XM/187/40-40/4	Cây xanh	5
19	473XM/187/40-42	Cây xanh	2
20	473XM/200/12/4-6	Cây xanh	3
21	473XM/230/2-4	Cây xanh	2
22	473XM/230/7-13	Cây xanh	5
23	473XM/230/28-29	Cây xanh	2
24	473XM/240/1-2	Cây xanh	2
25	473XM/259/6-7	Cây xanh	2
26	473XM/259/9-13	Cây xanh	5
27	473XM/259/19-20	Cây xanh	4
28	473XM/259/22-23	Cây xanh	3
29	473XM/273-273A	Cây xanh	1
30	473XM/275-277	Cây xanh	3
31	473XM/278-281	Cây xanh	3
32	473XM/290/3-8	Cây xanh	5
33	473XM/290/48-49	Cây xanh	3
34	473XM/317-317/1	Cây xanh	2
35	473XM/317/5-6	Cây xanh	2
36	473XM/317/7-9	Cây xanh	2
37	473XM/317/27-27/15	Cây xanh	100
38	473XM/317/27/21-22	Cây xanh	1
39	473XM/317/27/26	Cây xanh	2
40	473XM/317/27/17-36/16	Cây xanh	40
41	473XM/317/36/16/1-4	Cây xanh	20
42	473XM/317/36/16/9-10	Cây xanh	1
43	473XM/317/70	Cây xanh	1
44	473XM/319/22	Cây xanh	1
45	473XM/319/40-41	Cây xanh	2
46	473XM/319/22/8-10	Cây xanh	2
47	473XM/319/22/11-12	Cây xanh	2
48	473XM/319/22/15-17	Cây xanh	2
49	473XM/319/52/35/21	Cây xanh	2
50	473XM/319/52/35/45-48	Cây xanh	3

STT	Vị trí	Loại cây	Số lượng cây xanh
51	473XM/319/52/35/79-81	Cây xanh	3
52	473XM/337/2-3	Cây xanh	2
53	473XM/337/6-6A	Cây xanh	1
54	473XM/337/7A-10	Cây xanh	1
55	473XM/337/12-14	Cây xanh	1
56	473XM/337/18-19	Cây xanh	2
57	473XM/343/4-6	Cây xanh	2
58	473XM/343/8-10	Cây xanh	2
59	473XM/343/13-14	Cây xanh	2
60	473XM/343/23-24	Cây xanh	2
61	473XM/343/29	Dây leo	1
62	473XM/349-350	Cây xanh	1
63	473XM/353/44-45	Cây xanh	1
64	473XM/353/49-51	Cây xanh	2
65	473XM/353/77-79	Cây xanh	2
66	473XM/353/83-85	Cây xanh	2
67	473XM/353/85	Dây leo	1
68	473XM/353/86/5-6	Cây xanh	2
69	473XM/353/86/17-21	Cây xanh	1
70	473XM/353/92-92/1	Cây xanh	1
71	473XM/353/99-106	Cây xanh	3
72	473XM/353/114/1-2	Cây xanh	1
73	473XM/353/114-120	Cây xanh	15
74	473XM/353/120/3-5	Cây xanh	2
75	473XM/353/120/10-13	Cây xanh	2
76	473XM/353/127-129	Cây xanh	5
77	473XM/353/132/5-16	Cây xanh	10
78	473XM/353/132/21/1-8	Cây xanh	10
79	473XM/354-356	Cây xanh	3
80	473XM/357-357/1	Cây xanh	2
81	473XM/349/1-2	Cây xanh	2
82	473XM/370/4-5	Cây xanh	2
83	473XM/370/10-11	Cây xanh	1
84	473XM/372/1-4	Cây xanh	4
85	473XM/374/1-1A	Cây xanh	2
86	473XM/374/3-4	Cây xanh	1
87	473XM/374/7-7A	Cây xanh	1
88	473XM/374/7A-7A/5	Cây xanh	8
89	473XM/374/7A/8-10	Cây xanh	5
90	473XM/374/7A/9-23	Cây xanh	10
91	473XM/374/7A/26-27	Cây xanh	2
92	473XM/374/24/2-5	Cây xanh	2
93	473XM/374/24/9-10	Cây xanh	2
94	473XM/377/13-16	Cây xanh	15
95	473XM/377A-378	Cây xanh	1
96	473XM/380-381	Cây xanh	1

STT	Vị trí	Loại cây	Số lượng cây xanh
97	473XM/386-388	Cây xanh	2
98	473XM/388/9-10	Cây xanh	2
99	473XM/397/19-19/1	Cây xanh	1
100	473XM/397/19/6-8	Cây xanh	2
101	473XM/397/13/4-5	Cây xanh	1
102	473XM/397/48-51	Cây xanh	3
103	473XM/397/55/11/8-10	Cây xanh	2
104	473XM/397/55/11-13	Cây xanh	2
105	473XM/397/55/20-22	Cây xanh	2
106	473XM/402/1-2	Cây xanh	2
107	473XM/402/4-5	Cây xanh	2
108	473XM/402/6-7	Cây xanh	1
109	473XM/408-409	Cây xanh	2
110	473XM/408A/8-10	Cây xanh	2
111	473XM/412/1-4	Cây xanh	3
112	473XM/435-439	Cây xanh	5
IV	Tuyển 474XM - Trần Anh Tuấn + Mai Quốc Nam		
1	474XM/21/06/7-8	cây tre	1
2	474XM/21/06/8-9	cây me	1
3	474XM/21/06/9-9/4	cây me	1
4	474XM/21/06/9-10	cây xanh	1
5	476XM/177B/84/2	cây sao	1
6	474HT/74-76	cây thông	1
7	474HT/84-85	cây thông	1
8	474HT/94-96	cây si	1
9	474HT/121-123	cây trầm	1
10	474HT/129-130	cây trầm	1
11	472HT/11-13	Phi lao + dừa	2
12	472HT/18-19	Phi lao + dừa	2
13	472HT/36-37	Cây dừa + bàng nhật	2
14	472HT/37-40	Cây dừa + bàng nhật	2
15	472HT/50-51	cây xà cừ	1
16	472HT/87-88	cây xà cừ + cây trầm	2
17	472HT/103-104	cây trầm	1
18	472HT/124-126	cây dừa	1
19	472HT/127-128	cây dừa	1
20	472HT/170-171	cây trầm	1
21	472HT/178-180	cây trầm	1
22	472HT/181-182	cây trầm	1
V	Tuyển 475XM - Trần Anh Tuấn + Mai Quốc Nam		
1	475XM/4	cây cau	1
2	475XM/9-10	cây trầm	1
3	475XM/39	cây sung	1
4	475XM/46	cây điều	1

STT	Vị trí	Loại cây	Số lượng cây xanh
5	475XM/98A/11A/5-6	Cây Xanh	1
6	475XM/98A/24B/5	Cây xà cừ	1
7	475XM/98A/34/18-19	cây trầm	1
8	475XM/98A/34/19-25	Cây đề nặng	4
9	475XM/99/40/4-6	cây sao	2
10	475XM/99/40/14-15	cây dừa, trầm	2
11	475XM/99/40/17-18	cây trầm	1
12	475XM/99/40A/9/1-2	cây trầm. tre	2
13	475XM/99/43-46	cây trầm	3
14	475XM/99/49	cây trầm	2
15	475XM/99/51	cây xanh	1
16	475XM/99/55/13-14	cây cao su	2
17	475XM/99/55/16	cây cao su	1
18	475XM/99/55/17	cây xà cừ	1
19	475XM/99/59-60	Nọc tiêu	2
20	475XM/99/68-69	cây cao su	2
21	475XM/99/70-76	cây cao su	5
22	TBA 475XM/99/74	cây trầm phủ	2
23	475XM/99/78	cây cao su	1
24	475XM/99/85-86	cây trầm	1
25	475XM/99/90-91	cây trầm	1
26	475XM/99/95-96	cây xanh	1
VI	Tuyến 476XM - Trần Anh Tuấn + Mai Quốc Nam		
1	476XM/28/1-2	Bụi tre	1
2	476XM/28/6-7	cây điệp, me	4
3	476XM/28/9/1-9/4	Cây trầm đưng lưới	15
4	476XM/28/16-17	cây gòn, me	3
5	476XM/28/18-19	cây trầm, me	3
6	476XM/39-40	Vú sữa	1
7	476XM/53/2-3	cây khế, xà cừ, sao	3
8	476XM/53/6-7	Xà cừ, trầm	2
9	476XM/53/8-9	xà cừ	3
10	476XM/51-52	cây xanh	1
11	476XM/55-56	cây xanh	1
12	476XM/57-58	cây xanh	1
13	476XM/61-62	cây xanh	1
14	476XM/69-70	cây xoài	1
15	476XM/85-86	cây xoài	1
16	476XM/100-101	cây xanh	1
17	476XM/116-117	cây xanh	1
18	471HT/96/9A-10	Bụi tre	1
19	471HT/96/15-16	cây xanh	1
20	471HT/83-84	cây dừa	1
21	471HT/78-79	cây cau kiểng	1
22	471HT/76-77	cây gòn	1

STT	Vị trí	Loại cây	Số lượng cây xanh
23	471HT/64/8-8/3	cây trà	20
24	471HT/62	dây leo	1
25	471HT/37-38	cây xanh	1
26	471HT/32-33	cây si	1
27	473HT/7B/3-4	cây xanh	1
28	TBA 473HT/7B/6	cây đung máy	1
VII	Tuyến 478XM - Hoàng Phước Hải Giao + Ngô Nguyễn Đức Trung Hiếu		
1	478XM/43-45	Cây dầu	3
2	478XM/77-79	3 cây trà + Bàng lã	4
3	478XM/87-88	Cây xoài	1
4	478XM/89-90	cây sao, cây sung	2
5	478XM/90	cây xanh	1
VIII	Tuyến 480XM - Hoàng Phước Hải Giao + Ngô Nguyễn Đức Trung Hiếu		
1	480XM/59/13/2-3	cây cao	1
2	473XM/480XM/94	cây sao	1
3	480XM/148A/16-17	Cây xanh	1
4	480XM/148A/20-21	Cây xanh	1
5	480XM/148A/27-29	Cây xanh	1
6	473XM/480XM/165A	Cây xanh	1
IX	Tuyến 482XM - Mai Lê Vĩnh Trị + Ngô Xuân Hạnh		
1	472XM/478XM/482XM/65-66	cây trà + xà cừ	2
2	472XM/478XM/482XM/67-68	cây dừa	1
3	472XM/482XM/153-154	Bạch đàn + trà	2
4	472(482)XM/157-159	sao + rừng	4
5	472(482)XM/164-165	OSAKA	1
6	472(482)XM/171A-171A/1	cây dừa	1
7	472(482)XM/174	Cây bàng	1
8	472(482)XM/177-178	Cây bàng	1
9	482XM/72/10-14	cây trà	20
10	482XM/72/16	Dây leo	1
11	482XM/72/19-20	cây trà	1
12	482XM/72/21	cây trà	1
13	472(482)XM/170-171	Cây xanh	1
14	472(482)XM/173-174	Cây xanh	2
15	472XM/186-187	Cây nhãn	1
16	472XM/188-189	Cây nhãn	1
17	472XM/195-196	Cây trà	1
18	472(482)XM/200-201	Cây me	1
19	472(482)XM/206-207	Cây trà	1
20	482XM/205/7-8	Cây liễu	2
21	482XM/205/13-19	Cây trà	10
22	472XM/240/30-31	cây rừng	1
23	472XM/240/112-118	cây rừng	2

STT	Vị trí	Loại cây	Số lượng cây xanh
24	472XM/240/145	cây rừng	2
25	482XM/243/21/62-65	cây trà + cao su	3
26	482XM/243/21/82	cây tre	1
27	482XM/243/21/88A	cây tre	1
C	TRẠM 110 ĐẤT ĐỎ		
I	Tuyến 480ĐĐ - Mai Xuân Thắng + Phạm Xuân Lâm		
1	471LĐ/89/1-8	Cây xanh	5
2	471LĐ/82/1-31	Cây xanh	10
3	471LĐ/89/23/1-16	Cây xanh	10
4	471LĐ/111/76-99	Cây xanh	10
5	471LĐ/111/75/3-8	Cây xanh	5
6	471LĐ/111/72/16/9/2-12	Cây xanh	5
7	471LĐ/111/72/34/1-5	Cây xanh	3
8	471LĐ/111/72/34/15A/1-4	Cây xanh	3
9	471LĐ/111/71/5-26	Cây xanh	10
10	471LĐ/111/70-101	Cây xanh	20
11	471LĐ/111/70/85/1-13	Cây xanh	5
12	471LĐ/111/3-69	Cây xanh	20
13	471LĐ/111/82/10	Dây leo	1
III	Tuyến 482ĐĐ - Mai Xuân Thắng + Phạm Xuân Lâm		
1	482ĐĐ/27-28	cây xà cừ	1
2	482ĐĐ/61	cây xanh	1
3	482ĐĐ/93	cây xanh	1
4	482ĐĐ/95	cây trà	1
5	482ĐĐ/127-131	cây trà	5
6	471LĐ/111/72/61/25	cây xanh	1
7	471LĐ/111/72/61/38	cây xanh	1
8	471LĐ/111/72/44/8	cây xanh	1
9	471LĐ/111/72/44/13	cây xanh	1
10	471LĐ/111/72/98A/18-19	cây xanh	2
11	482ĐĐ/140/79	cây xanh	1
12	482ĐĐ/140/65/1-2	cây xanh	1
13	471LĐ/72/97A/42/9-10	cây xanh	1
14	471LĐ/72/97A/42/12	cây xanh	1
IV	Tuyến 477XM - Mai Xuân Thắng + Phạm Xuân Lâm		
1	474XM/182/17A/1-3	cây xanh	3
2	474XM/182/17A/4	Cây điệp	1
3	474XM/182/29/3-5	Hàng Trà	1
4	474XM/182/30-32	Hàng Trà cháy ngọn	5
5	474XM/182/35/4A-7	Hàng cây	5
6	474XM/182/35/12A/15/12-13	Hàng trà cháy ngọn	5
7	474XM/182/35/23-24	Hàng trà	5
8	474XM/182/35/28-30	Hàng trà	5
9	474XM/182/35/15-17	Vườn trà	5

STT	Vị trí	Loại cây	Số lượng cây xanh
10	474XM/182/53/12/1-3	Hàng tràm cháy ngọn	5
11	474XM/182/53/15-16	Cây tràm	2
12	474XM/182/59/1-6	Hàng cây cháy ngọn	5
D	TRẠM 110 LONG ĐẤT		
I	Tuyến 471LĐ - Bùi Vĩnh Hiếu + Nguyễn Anh Tuấn Vũ		
1	471LĐ/52/10-11	Cây sấu đầu	1
2	471LĐ/52/15-16	cây tràm	3
3	471LĐ/52/24	Cây xà cừ	1
4	471LĐ/52/26-27	cây tràm	1
5	471LĐ/52/39-40	cây bạch đàn	1
6	471LĐ/52/44-45	Vườn tràm	5
7	471LĐ/52/51-52	Cây tre	1
8	471LĐ/52/53-56	Vườn tràm	7
9	471LĐ/52/62-63	Cây tràm + Bạch đàn	2
10	471LĐ/52/15/9-10	cây gòn	2
11	471LĐ/77/5-5A	cây sao	1
12	471LĐ/77/17-18	cây bàng lãng	1
13	471LĐ/79-79/1	cây đa	1
14	471LĐ/79/9-12	Cây xà cừ	1
15	471LĐ/79/12A/2-4	cây xanh	1
16	471LĐ/92/5-6	cây gòn	1
17	471LĐ/92/5/2-3	cây gòn	1
18	471LĐ/101/3-4	cây xoài	1
19	471LĐ/121/1	cây sao	1
20	471LĐ/128/3/2-3	cây me	1
21	471LĐ/128/3/8-9	cây đa	1
22	471LĐ/128/3/10-11	cây cau	1
23	471LĐ/128/3/11-13	cây xoài	2
24	471LĐ/146-146/3	cây xanh	10
25	471LĐ/146/7A	Vườn tràm	10
26	471LĐ/146/14-15	Vú sữa	1
27	471LĐ/146/21	me	1
28	471LĐ/146/24-25	Lộc vừng	1
29	471LĐ/148/1	Cây xanh	1
30	471LĐ/71/59-64	Xà cừ	15
31	471LĐ/71/29/1-2	cây tràm	1
32	471LĐ/71/29/16-18	cây tràm	5
33	471LĐ/71/9/12-13	cây điều	1
34	471LĐ/71/18/1-2	Cây tràm	1
35	471LĐ/71/1-5	Cây xà cừ	5
36	471LĐ/71/1	dây mọc trên bát chống ã	1
II	Tuyến 472LĐ - Phạm Ngọc Oanh + Dương Quang Bình		
1	472LĐ/76/1-3	cây bàng, bụi tre	2

STT	Vị trí	Loại cây	Số lượng cây xanh
2	472LĐ/76/4-5	cây xanh	1
3	472LĐ/76/11	cây xanh	1
4	472LĐ/76/41-58	Hàng xà cừ	5
5	472LĐ/76/55- 56	Hàng cây rừng	5
6	472LĐ/76/62-66	Hàng cây rừng	5
7	472LĐ/159-160	cây xanh	1
III	Tuyến 473LĐ - Bùi Vĩnh Hiếu + Nguyễn Anh Tuấn Vũ		
1	473LĐ/73A/12-13	Cây xanh	1
2	473LĐ/54/2-3	Cây trà	1
3	473LĐ/51/70/11-12	Cây bàng	1
4	473LĐ/51/38/3-4	Cây gòn	1
5	473LĐ/51/30/4-6	Vườn trà	15
IV	Tuyến 474LĐ - Phạm Ngọc Oanh + Dương Quang Bình		
1	474LĐ/112/16A	Cây cháy ngọn	1
2	474LĐ/106/14-15A	Cây xanh đề ĐĐ trung thế	1
3	474LĐ/106/9-15A	cây xanh	1
4	474LĐ/106/1-4	04 cây xanh	4
	TỔNG		1.554